

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Bản án số: 135/2018/DS-ST
Ngày: 29-11-2018
V/v tranh chấp hợp đồng bảo hiểm

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Du

2. Bà Trần Thị Kim Phụng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Trung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Vào ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 173/2018/TLST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2018 về việc: “Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2018/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Ngô Văn T, sinh năm 1970; cư trú tại: ấp N, xã T, huyện H, tỉnh Tây Ninh, (có mặt).

- *Bị đơn:* Tổng Công ty Bảo hiểm P; địa chỉ: phường Y, quận C, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Bà Bùi Thị Hồng A, sinh năm 1985, là người đại diện theo ủy quyền, (văn bản ủy quyền ngày 30/8/2018), (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Huỳnh Công L, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1970; Cùng cư trú tại: ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh, (vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, ông Ngô Văn T trình bày:

Ông Ngô Văn T là chủ sở hữu xe ô tô biển kiểm soát 70C – 072.58, ông T có tham gia bảo hiểm dân sự đối với người thứ 3 tại Tổng công ty bảo hiểm P (theo giấy chứng nhận bảo hiểm số 276683, có hiệu lực từ ngày 12/12/2016 đến ngày

12/12/2017 tại Công ty bảo hiểm P - chi nhánh Bình Dương). Ngày 16/3/2017, ông T điều khiển xe ô tô lưu thông trên đường Đ, xã B, huyện D thì xảy ra va chạm với xe mô tô mang biển kiểm soát 70M2-4512 do ông Huỳnh Công L điều khiển, phía sau chở theo bà Nguyễn Thị B. Hậu quả, ông L bị bong gân và căng cơ (phía trước, phía sau) tổn thương dây chằng chéo khớp gối trái, bà B bị gãy trên lồi cầu đùi trái. Chi phí điều trị thương tích cho ông L và bà B hết tổng cộng 40.000.000đồng. Sau tai nạn, ông T đã thỏa thuận bồi thường chi phí cứu chữa cho ông L và bà B số tiền 50.000.000 đồng (theo biên nhận ngày 31/3/2017 giữa ông L, bà B và ông T). Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu Tổng công ty Bảo hiểm P thanh toán lại số tiền 50.000.000 đồng ông T đã bồi thường cho ông L, bà B.

Bị đơn, Tổng công ty bảo hiểm P trình bày:

Ông Ngô Văn T là chủ sở hữu xe ô tô biển kiểm soát 70C – 072.58, ngày 12/12/2016 ông T có tham gia bảo hiểm dân sự đối với người thứ 3 tại Tổng công ty bảo hiểm P (theo giấy chứng nhận bảo hiểm số 276683, có hiệu lực từ ngày 12/12/2016 đến ngày 12/12/2017 tại Công ty bảo hiểm P - chi nhánh Bình Dương). Ngày 16/3/2017, ông T điều khiển xe ô tô lưu thông trên đường Đ, xã B, huyện D thì xảy ra va chạm với xe mô tô mang biển kiểm soát 70M2-4512 do ông Huỳnh Công L điều khiển phía sau chở theo bà Nguyễn Thị B.

Ngày 28/4/2017, Tổng công ty Bảo hiểm P có nhận được hồ sơ yêu cầu bồi thường của ông Ngô Văn T với số tiền là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Căn cứ mục a, điểm 3, điều 13 Thông tư số 22/2016/TT –BTC ngày 16 tháng 02 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định Quy tắc, điều khoản, biểu phí và mức trách nhiệm bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới (sau đây viết tắt là Thông tư 22: “*Mức bồi thường cụ thể cho từng loại thương tật, thiệt hại về người được xác định theo Bảng quy định trả tiền bồi thường thiệt hại về người theo quy định tại Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư này hoặc theo thỏa thuận (nếu có) giữa chủ xe cơ giới và người bị thiệt hại hoặc đại diện hợp pháp của người bị thiệt hại (trong trường hợp người bị thiệt hại đã chết) nhưng không vượt quá mức bồi thường quy định tại Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp có quyết định của toà án thì căn cứ vào quyết định của toà án nhưng không vượt quá mức bồi thường quy định tại Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư này*”.

Do đó, Tổng công ty Bảo hiểm P chỉ chấp nhận số tiền bồi thường 24.000.000 đồng, cụ thể: Thương tích của bà Nguyễn Thị B: Gãy trên lồi cầu đùi trái tương đương với tiêu mục 6.7 mục VI của Phụ lục 6: “Gãy thân xương đùi ở 1/3 giữa hoặc dưới đã điều trị ổn định” với số tiền chi trả là 21.000.000đồng. Thương tích của ông Huỳnh Công L: Bong gân và căng cơ, tổn thương dây chằng chéo khớp gối tương đương 1/2 tiêu mục 7.17.3 mục VI của Phụ lục 6: “Đứt dây chằng ngoài gối điều trị phục hồi tốt” với số tiền chi trả là 3.000.000đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông Huỳnh Công L, bà Nguyễn Thị B thống nhất trình bày:

Ngày 16/3/2017, khi ông Huỳnh Công L điều khiển xe mô tô mang biển kiểm soát 70M2 – 4512 chở theo bà Nguyễn Thị B lưu thông trên đường Đ, xã B,

huyện D thì xảy ra va chạm với xe ô tô biển kiểm soát 70C – 072.58 do ông Ngô Văn T điều khiển. Sau tai nạn, ông T đã thỏa thuận bồi thường chi phí cứu chữa cho ông L và bà B với số tiền 50.000.000 đồng (theo biên nhận ngày 31/3/2017 giữa ông L, bà B và ông T). Hiện nay ông L bà B không thắc mắc hay tranh chấp gì, đồng thời có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn bồi thường số tiền 40.000.000đồng. Bị đơn chỉ đồng ý thanh toán số tiền bảo hiểm là 24.000.000đồng. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông Huỳnh Công L, bà Nguyễn Thị B vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến trước phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo các Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Về phần thủ tục Kiểm sát viên không có kiến nghị khắc phục gì thêm.

Đối với quan điểm giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] *Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Ông Ngô Văn T khởi kiện yêu cầu Tổng công ty bảo hiểm P chi trả số tiền bảo hiểm 50.000.000 đồng theo giấy chứng nhận bảo hiểm số 276683 được xác lập giữa ông T và chi nhánh của Tổng công ty Bảo hiểm P (Công ty bảo hiểm P Bình Dương). Như vậy, xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng bảo hiểm theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự. Công ty Bảo hiểm P Bình Dương có trụ sở tại phường C, thành phố T và ông T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố T giải quyết. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T.

[1.2] *Về sự tham gia phiên tòa của các đương sự:* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Công L, bà Nguyễn Thị B vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[1.3] *Về yêu cầu của đương sự:* Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu bị đơn chi trả số tiền 50.000.000đồng. Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn chi trả số tiền bảo hiểm 40.000.000đồng. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] *Về nội dung tranh chấp:* Ngày 12/12/2016 ông T tham gia bảo hiểm của Tổng công ty bảo hiểm P theo giấy chứng nhận bảo hiểm số 276683 được xác lập ngày 12/12/2016 giữa ông Ngô Văn T và Công ty Bảo hiểm P Bình Dương. Ngày 16/3/2017, ông T điều khiển xe gây tai nạn đối với ông L, bà B. Do đó, ông T yêu

cầu Tổng công ty bảo hiểm P chi trả số tiền 50.000.000 đồng, bị đơn Tổng công ty bảo hiểm P không đồng ý, chỉ chấp nhận số tiền 24.000.000 đồng.

[2.1] Xét, ngày 12/12/2016, ông Ngô Văn T tham gia bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với xe ô tô biển kiểm soát 70C-072.58 cho người thứ ba tại Tổng công ty bảo hiểm P, theo giấy chứng nhận bảo hiểm số 276683, thời gian có hiệu lực từ ngày 12/12/2016 đến ngày 12/12/2017. Ngày 16/3/2017, xe ô tô biển kiểm soát 70C-072.58 do ông T điều khiển xảy ra tai nạn với xe mô tô biển kiểm soát 70M2-4512 do ông Huỳnh Công L điều khiển chở bà Nguyễn Thị B, khiến ông L và bà B bị thương tích. Ông T đã thanh toán chi phí điều trị thương tích 40.000.000 đồng và bồi thường cho ông L, bà B với số tiền 10.000.000 đồng. Tổng cộng là 50.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thống nhất về thời gian xác lập hợp đồng bảo hiểm, hiệu lực của hợp đồng, phạm vi bảo hiểm cũng như các chứng từ điều trị của ông L, bà B. Các bên chỉ tranh chấp về số tiền chi trả bảo hiểm. Ông T yêu cầu Tổng công ty bảo hiểm P chi trả số tiền 40.000.000 đồng chi phí cứu chữa cho ông L, bà B theo chứng từ của Bệnh viện. Tuy nhiên, Tổng công ty bảo hiểm P chỉ đồng ý chi trả cho ông Ngô Văn T số tiền 24.000.000 đồng.

Ông T cho rằng: Giấy chứng nhận bảo hiểm số 276683 quy định mức trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba là 100.000.000 đồng/người/vụ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 13 của Thông tư số 22/2016: *“Tai nạn xảy ra, trong phạm vi mức trách nhiệm bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm phải bồi thường cho chủ xe cơ giới số tiền mà chủ xe cơ giới đã bồi thường hoặc sẽ phải bồi thường cho người bị thiệt hại”*. Do ông T đã bồi thường cho ông L, bà B số tiền 40.000.000 đồng nên yêu cầu Tổng công ty bảo hiểm P chi trả số tiền 40.000.000 đồng.

Bị đơn xác định có nhận được hồ sơ yêu cầu bồi thường của ông Ngô Văn T với số tiền là 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, căn cứ thương tích của ông L, bà B, căn cứ quy định tại mục a điểm 3 Điều 13 Thông tư 22: *“Mức bồi thường cụ thể cho từng loại thương tật, thiệt hại về người được xác định theo Bảng quy định trả tiền bồi thường thiệt hại về người theo quy định tại Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư này hoặc theo thỏa thuận (nếu có) giữa chủ xe cơ giới và người bị thiệt hại hoặc đại diện hợp pháp của người bị thiệt hại (trong trường hợp người bị thiệt hại đã chết) nhưng không vượt quá mức bồi thường quy định tại Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp có quyết định của toà án thì căn cứ vào quyết định của toà án nhưng không vượt quá mức bồi thường quy định tại Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư này”*. Do đó, bị đơn chỉ chấp nhận bồi thường cho ông T số tiền 24.000.000 đồng, cụ thể: Thương tích của bà Nguyễn Thị B: Gãy trên lồi cầu đùi trái tương đương với tiểu mục 6.7 mục VI của Phụ lục 6: *“Gãy thân xương đùi ở 1/3 giữa hoặc dưới đã điều trị ổn định”* với số tiền chi trả là 21.000.000 đồng. Thương tích của ông Huỳnh Công L: Bong gân và căng cơ, tổn thương dây chằng khớp gối tương đương ½ tiểu mục 7.17.3 mục VI của Phụ lục 6: *“Đứt dây chằng ngoài gối điều trị phục hồi tốt”* với số tiền chi trả là 3.000.000 đồng.

Căn cứ giấy ra viện xác định: Ông Huỳnh Công L bị bong gân và căng cơ, tổn thương dây chằng chéo khớp gối trái; bà Nguyễn Thị B bị gãy trên lồi cầu đùi

phải. Quá trình giải quyết vụ án, ông L, bà B không đồng ý thực hiện việc giám định để xác định tỷ lệ thương tật, việc giám định tỷ lệ thương tật trên hồ sơ cũng không thể thực hiện do không đủ cơ sở. Ngoài chứng từ giấy ra viện, ông T không cung cấp được chứng cứ xác định tỷ lệ thương tật của ông L, bà B. Ông T yêu cầu Tổng công ty bảo hiểm P chi trả số tiền 40.000.000 đồng là chi phí cứu chữa nhưng không được Tổng công ty bảo hiểm P chấp nhận nhưng bị đơn chấp nhận áp dụng tiểu mục 7.17.3, tiểu mục 6.7.1 mục VI của Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư số 22 để xác định tỷ lệ thương tật của ông L và bà B và để chi trả bảo hiểm. Tuy nhiên, với mức chi trả 3.000.000 đồng đối với trường hợp của ông L là chưa phù hợp. Căn cứ tiểu mục 7.17.3 mục VI bảng Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư số 22 thì tỷ lệ thương tích quy định tại tiểu mục 7.17.3 từ 6% – 10% như vậy, ông L sẽ được xem xét mức chi trả trung bình là 8% tương đương 8.000.000 đồng. Đối với tỷ lệ thương tật của bà Nguyễn Thị B tại tiểu mục 6.7.1 xác định tỷ lệ thương tật là 21% tương đương 21.000.000đồng là phù hợp.

Từ phân tích trên, có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Văn T.

Xét quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận một phần.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận, bị đơn phải chịu đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 điều 40; các Điều 147, 228, 244, 266, 267 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 13 Thông tư số 22/2016/TT –BTC ngày 16 tháng 02 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định Quy tắc, điều khoản, biểu phí và mức trách nhiệm bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới.

- Căn cứ khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Văn T về việc yêu cầu bị đơn Tổng công ty bảo hiểm P chi trả số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Văn T đối với bị đơn Tổng công ty bảo hiểm P về việc tranh chấp hợp đồng bảo hiểm.

Buộc Tổng công ty bảo hiểm P phải chi trả cho ông Ngô Văn T số tiền 29.000.000đồng (hai mươi chín triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền nêu trên

thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi bằng mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Không chấp nhận yêu cầu của ông Ngô Văn T về việc yêu cầu Tổng công ty bảo hiểm P chi trả số tiền 11.000.000đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Ngô Văn T phải chịu số tiền 550.000đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004561 ngày 05/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T. Hoàn trả cho ông Ngô Văn T số tiền 700.000 đồng tạm ứng án phí còn lại.

Tổng công ty bảo hiểm P phải chịu số tiền 1.450.000đồng (một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. T;
- CCTHADS Tp. T;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thu Thảo